

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

LƯƠNG HUY HÙNG

**NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ
TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ**

Chuyên ngành : Luật dân sự

Mã số : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Công Bình

a)

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2012.

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		Trang
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ	6		
1.1. Khái niệm và ý nghĩa của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự	6		
1.1.1. Khái niệm nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự	6		
1.1.2. Ý nghĩa của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự	12		
1.1.2.1. Ý nghĩa pháp lý	13		
1.1.2.2. Ý nghĩa chính trị, xã hội	14		
1.2. Cơ sở của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự	17		
1.2.1. Cơ sở lý luận của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự	17		
1.2.2. Cơ sở thực tiễn của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự	19		
1.3. Mối quan hệ của nguyên tắc hai cấp xét xử với các nguyên tắc khác của luật tố tụng dân sự	23		
1.3.1. Nguyên tắc hai cấp xét xử với nguyên tắc đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng dân sự	23		
1.3.2. Với nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đ-ơng sự	24		
1.3.3. Với nguyên tắc trách nhiệm của cơ quan, ng-ời tiến hành	25		
		tố tụng	
		1.3.4. Với nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự	25
		Chương 2: NỘI DUNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ	27
		2.1. Tòa án thực hiện chế độ hai cấp xét xử	27
		2.1.1. Cấp xét xử sơ thẩm	32
		2.1.1.1. Thẩm quyền sơ thẩm của Tòa án nhân dân	33
		2.1.1.2. Quyền hạn của Hội đồng xét xử sơ thẩm 43	
		2.1.1.3. Hiệu lực của bản án, quyết định sơ thẩm	47
		2.1.2. Cấp xét xử phúc thẩm	52
		2.1.2.1. Thẩm quyền xét xử của Tòa án phúc thẩm	53
		2.1.2.2. Quyền hạn của Hội đồng xét xử phúc thẩm	56
		2.1.2.3. Hiệu lực của bản án, quyết định phúc thẩm	58
		2.2. Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật bị xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm	60
		2.2.1. Bản án, quyết định dân sự bị xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm	61
		2.2.2. Bản án, quyết định bị xét lại theo thủ tục tái thẩm	62
		Chương 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ VÀ KIẾN NGHỊ	65
		3.1. Thực tiễn thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự	65
		3.1.1. Khái quát thực tiễn thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự	65
		3.1.2. Nguyên nhân hạn chế trong việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự	79
		3.2. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự	81
		3.2.1. Kiến nghị về hoàn thiện pháp luật	84
		3.2.1.1. Với cấp xét xử sơ thẩm	84
		3.2.1.2. Với cấp xét xử phúc thẩm	85

3.2.2.	Kiến nghị về thực hiện pháp luật	87
	KẾT LUẬN	90
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	93

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xét xử vụ án dân sự là hoạt động Nhà nước đặc biệt và chuyên biệt của Tòa án nhân dân (TAND) để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của xã hội, tổ chức và cá nhân. Do vậy, yêu cầu xét xử vụ án dân sự (VADS) phải bảo đảm tính đúng đắn, chính xác, đúng pháp luật và đúng bản chất của vụ việc để giải quyết. Song trong thực tế, xét xử VADS không phải bao giờ cũng đúng đắn đem lại sự công bằng, bảo vệ được các quyền và lợi ích bị xâm phạm.

Nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự (hay còn gọi là nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử) là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong tố tụng dân sự (TTDS), tố tụng hình sự và hành chính. Nhằm đạt tới mục đích cao nhất là giải quyết đúng đắn các vụ án, bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm và pháp luật được thi hành. Việc quy định hai cấp xét xử trong VADS là cơ chế bảo vệ quyền con người trong TTDS. Cái quyền đó có được bảo vệ hay không, phản ánh bản chất của Nhà nước, bản chất của pháp luật và con người trong xã hội đó. Việc xét xử một VADS theo hai cấp: Xét xử lần đầu ở cấp sơ thẩm (cấp xét xử thứ nhất) và tiếp tục xét xử ở cấp phúc thẩm (cấp thứ hai) nếu có kháng cáo, kháng nghị, còn nếu không, bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật và được thi hành sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Việc xét xử là hoạt động đặc thù của Tòa án, qua xét xử pháp luật được bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân tổ chức được đảm bảo. Tuy nhiên, trong bối cảnh nước ta chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường bên cạnh những tác động tích cực của việc đem lại về sự tăng trưởng, phát triển vượt bậc về kinh tế thì những tác động tiêu cực, những mặt trái của xã hội cũng nảy sinh, những loại tội phạm, tệ nạn xã hội gia tăng, những mâu thuẫn tranh chấp phát sinh trong xã hội ngày càng nhiều và các VADS Tòa án giải quyết cũng trở nên phức tạp. Đánh giá vấn đề đó trong tình hình xã

hội mới, Nghị quyết 08/NQ-TƯ ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị đã đề ra yêu cầu: "*Nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án, của Viện Kiểm sát tại phiên tòa, đảm bảo tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác... Khi xét xử Tòa án phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thật sự dân chủ, khách quan, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc xét xử của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, các đương sự...*".

Theo pháp luật TTDS hiện hành, việc xét xử vụ VADS được tiến hành qua 2 cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bên cạnh đó còn có thủ tục đặc biệt là giám đốc thẩm và tái thẩm. Như vậy, theo nguyên tắc, một vụ án nếu phải xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm thì nhiều nhất cũng chỉ cần đến ba phiên tòa. Như thực tế, có những vụ án phải xét xử tới 9 -10 phiên tòa, cá biệt có vụ án phải xét xử tới 13 phiên tòa. Thực tế cho thấy, việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử tại Tòa án có nhiều nguyên nhân đã khiến vụ án phải kéo dài và phải xét xử nhiều lần, không những tổn công của Nhà nước, thiệt hại tới quyền lợi công dân và làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào pháp luật và cơ quan xét xử. Từ những lý do trên cho thấy, nghiên cứu nguyên tắc thực hiện hai cấp xét xử của Tòa án trong TTDS là vấn đề cần thiết. Do vậy, tôi chọn đề tài: "*Nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự*" làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTDS là một vấn đề khoa học và thực tiễn, nó phản ánh bản chất của pháp luật cũng như tính nhân văn trong cơ chế bảo vệ quyền con người. Vì vậy đã có nhiều công trình, nhiều đề tài nghiên cứu, như: "*Nguyên tắc hai cấp xét xử và việc áp dụng nguyên tắc đó vào việc tổ chức Tòa án các cấp*" của PGS.TS Trần Văn Đợi; "*Quan niệm về hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự nước ta*" của TS. Tống Công Công; "*Thực hiện chế độ hai cấp xét xử-cơ chế bảo vệ quyền con người trong tố tụng dân sự*" của TS. Nguyễn Quang Hiền; "*Một số vấn đề về phiên tòa sơ thẩm*" của ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; Luận văn thạc sĩ

"*Phiên tòa phúc thẩm dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam*" của Hoàng Thị Bích Hải. Đây là những công trình nghiên cứu khái quát về các góc độ về nguyên tắc hai cấp xét xử. Đặc biệt luận văn thạc sĩ "*Các cấp xét xử trong tố tụng dân sự của Việt Nam*" và luận án "*Phân cấp thẩm quyền giải quyết tranh chấp dân sự trong hệ thống Tòa án ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*" của Lê Thị Hà, là những công trình nghiên cứu trực tiếp về các cấp xét xử trong TTDS. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu này chỉ nghiên cứu chung d-ới góc độ của Luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Mục đích

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là làm rõ những vấn đề lý luận về nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự, nội dung nguyên tắc này theo quy định của pháp luật hiện hành, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc này.

Nhiệm vụ

Để đạt đ-ợc mục đích trên, việc nghiên cứu tập trung vào những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về hai cấp xét xử của Tòa án trong TTDS.
- Phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTDS.
- Khảo sát thực tiễn thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTDS tại các Tòa án.
- Phát hiện những v-ớng mắc, bất cập của các quy định về nguyên tắc và tìm ra các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các vấn đề lý luận về nguyên tắc hai cấp xét xử, các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về

nguyên tắc này và thực tiễn xét xử và tổ chức xét xử ở cấp sơ thẩm, phúc thẩm trong những năm gần đây.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài tập trung chủ yếu vào những vấn đề sau:

- Các quan điểm lý luận khác nhau về nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTDS.
- Các quy định của pháp luật hiện hành về nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTDS Việt Nam nh-: các quy định về thẩm quyền, quyền hạn của Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và hiệu lực của bản án sơ thẩm, phúc thẩm.
- Thực tiễn thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTDS Việt Nam những năm gần đây.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài đ-ợc thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, t-ởng Hồ Chí Minh, đ-ờng lối, chính sách của Đảng về Nhà n-ớc và pháp luật, về xây dựng Nhà n-ớc pháp quyền, cải cách t- pháp ở n-ớc ta.

Quá trình nghiên cứu đề tài cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học nh- phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê ...

6. Những đóng góp mới về khoa học của luận văn

- Làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về nguyên tắc hai cấp xét xử của Tòa án trong TTDS nh- khái niệm, ý nghĩa, cơ sở của nguyên tắc v.v...
- Phân tích, đánh giá đ-ợc các quy định của pháp luật hiện hành về nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTDS, phát hiện đ-ợc những v-ớng mắc, hạn chế của các quy định về nguyên tắc hai cấp xét xử và thực tiễn thực hiện, đồng thời đã tìm ra các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự.

Chương 2: Nội dung các quy định của pháp luật hiện hành về nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự.

Chương 3: Thực tiễn thực hiện và giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về nguyên tắc hai cấp xét xử.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ

1.1. Khái niệm và ý nghĩa của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự

1.1.1. Khái niệm nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự

Nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTDS là t- t- ởng chủ đạo, có tính bắt buộc chung, thể hiện quan điểm có tính định h- óng của Nhà n- óc trong việc tổ chức tố tụng để xét xử các VADS đ- ọc xét xử lần đầu ở cấp sơ thẩm (cấp xét xử thứ nhất) có thể đ- ọc xét xử lại và chỉ có thể đ- ọc xét xử lại một lần nữa ở cấp phúc thẩm (cấp xét xử thứ hai) nếu có kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật TTDS, nhằm giải quyết đúng đắn, kịp thời vụ án, bảo đảm lợi ích Nhà n- óc, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Thông qua hai cấp xét xử, vụ án đ- ọc xem xét, đánh giá và xét xử ở góc độ khách quan nhất, tránh sự phiến diện, tùy tiện khi vụ án chỉ đ- ọc xét xử ở một cấp. Xét xử vụ án qua hai cấp là để h- óng tới một mục đích cao nhất là sự thật khách quan của vụ án, để ra những phán quyết về nội dung vụ án, có tính bắt buộc đối với mọi chủ thể liên quan.

Việc xét xử sơ thẩm là: "Xét xử lần đầu để giải quyết tất cả những vấn đề liên quan trong vụ án. Khi xét xử sơ thẩm, Tòa án xem xét và giải quyết mọi vấn đề của vụ án bằng việc ra bản án và quyết định. HĐXX có Hội thẩm nhân dân (HTND) tham gia. Trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị, bản án và quyết định sơ thẩm ch- a có hiệu lực pháp luật có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm".

Với xét xử phúc thẩm là: "Việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm ch- a có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị

Cùng là hoạt động xét xử của Tòa án đối với một VADS, song xét xử ở cấp sơ thẩm và ở cấp phúc thẩm có những đặc điểm khác nhau và có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Thứ nhất, xét xử ở cấp sơ thẩm là xét xử lần đầu VADS. Tại cấp xét xử sơ thẩm, Tòa án xem xét tất cả các nội dung của vụ án trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của các đ- ong sự. Còn xét xử ở cấp phúc thẩm là xét xử lại vụ án đ- ọc xét xử ở sơ thẩm mà bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Việc xét xử phúc thẩm phải dựa trên bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

Thứ hai, việc xét xử sơ thẩm là giải quyết các vấn đề của vụ án, để ra quyết định quyền và nghĩa vụ của các đ- ong sự trong vụ án. Trong khi đó, mục đích của việc xét xử phúc thẩm là nhằm khắc phục, sửa chữa những sai lầm có thể có trong những bản án, quyết định ch- a có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức và lợi ích Nhà n- óc, lợi ích công cộng.

Thứ ba, hoạt động xét xử tại cấp sơ thẩm dựa trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn khi họ có căn cứ cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm và yêu cầu Tòa án giải quyết. Hoạt động xét xử tại cấp phúc thẩm dựa trên cơ sở kháng cáo, kháng nghị, khi ng- ời kháng cáo, kháng nghị cho rằng việc xét xử ở cấp sơ thẩm không đúng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đ- ong sự. Vì vậy, nội dung kháng cáo, kháng nghị quy định phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm. Tuy nhiên, phúc thẩm là việc xét xử lại VADS mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm không thể xét xử v- ợt ra ngoài phạm vi những vấn đề mà cấp sơ thẩm đã xem xét và quyết định.

Từ những phân tích trên: Nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTDS là t- t- ởng chỉ đạo, có tính bắt buộc chung, thể hiện quan điểm có tính định h- óng của Nhà n- óc trong việc tổ chức, hoạt động để xét xử các VADS,

sự. Vì vậy phải có hai cấp xét xử. Nguyên tắc hai cấp xét xử để đảm bảo cho đ-ong sự bảo vệ đ-ợc quyền, lợi ích hợp pháp của họ tr-ớc Tòa án.

Thứ t, xuất phát từ yêu cầu của hoạt động xét xử

Việc xét xử qua hai cấp: cấp thứ nhất là cấp sơ thẩm và cấp thứ hai là cấp phúc thẩm do Tòa án cấp trên của Tòa án sơ thẩm thực hiện. Dù là hai cấp xét xử, cấp sơ thẩm thực hiện chức năng là cấp xét xử thứ nhất có vai trò quyết định trong việc chấm dứt giải quyết các tranh chấp. Tòa án cấp phúc thẩm là cấp xét xử thứ hai đảm bảo cho việc giải quyết vụ án luôn đúng đắn. Mục đích của xét xử hai cấp là nhằm h-ớng tới đảm bảo sự thật khách quan của vụ án và các quyền, lợi ích của đ-ong sự đ-ợc bảo vệ.

1.2.2 Cơ sở thực tiễn của nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự

Thứ nhất, xuất phát chức năng, nhiệm vụ của Tòa án

Nguyên tắc hai cấp xét xử là cơ sở thực hiện đúng đ-ợc chức năng, nhiệm vụ xét xử của TAND. Khi các bên tranh chấp, khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết. VADS đ-ợc giải quyết lần đầu tại phiên tòa sơ thẩm, đây là cấp xét xử đầu tiên. Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án, quyết định của TAND có thể không đúng, không làm hài lòng các đ-ong sự, Viện kiểm sát dẫn đến kháng cáo hoặc kháng nghị của ng-ời có thẩm quyền. Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình thì Tòa án phải xét xử lần hai tại cấp phúc thẩm.

Thứ hai, xuất phát từ thực tiễn thi hành pháp luật

Nguyên tắc hai cấp xét xử đ-ợc ghi nhận và thực hiện cụ thể trong hoạt động của Tòa án trong Sắc lệnh 51/SL ngày 17/4/1946 của Nhà n-ớc Việt Nam dân chủ cộng hòa, Thông t- số 1459/HCTP của Bộ T- pháp ngày 19/8/1955: "*Nguyên tắc hai cấp xét xử là một trong những nguyên tắc tố tụng của nhân dân cần phải đ-ợc đảm bảo*". Năm 1960 nguyên tắc hai cấp xét xử đ-ợc ghi nhận chính thức trong Điều 9 Luật tổ chức TAND năm 1960. Khi Nhà n-ớc ta ban hành Luật tổ chức TAND năm 1981, Luật tổ chức TAND năm 1992 và Pháp lệnh TTGQCVADS 1989 không quy định nguyên tắc hai cấp xét xử nh-ng nguyên tắc này vẫn đ-ợc thừa nhận và đ-ợc thực hiện bởi các cấp Tòa án về việc xét xử một VADS.

Thứ ba, xuất phát từ thực tiễn hoạt động xét xử của Tòa án

Trong thực tiễn xét xử các VADS, không ít các Thẩm phán công tâm có trình độ pháp luật, song khi xét xử VADS, không phải bao giờ cũng đảm bảo giải quyết đúng đắn vụ án. Thực tế đó một phần cho thấy sự phức tạp của những quan hệ pháp luật dân sự trong xã hội, chính vì thế, trong lĩnh vực TTDS đã có những kỉ lục về những vụ án kéo dài hàng chục năm, hàng chục phiên tòa cho một vụ án. Những thực tế của hoạt động xét xử cho thấy, hai cấp xét xử là cần thiết. Tuy nhiên không phải tất cả các vụ án cần xét xử theo hai cấp mới đảm bảo việc giải quyết đúng đắn vụ án.

1.3. Mối quan hệ của nguyên tắc hai cấp xét xử với các nguyên tắc khác của luật tố tụng dân sự

1.3.1. Nguyên tắc hai cấp xét xử với nguyên tắc đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng dân sự

Bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa là một nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà n-ớc, có tác dụng bảo đảm cho hoạt động của bộ máy nhà n-ớc đ-ợc nhịp nhàng, đồng bộ và phát huy hiệu lực của Nhà n-ớc và bảo đảm công bằng xã hội. Nguyên tắc hai cấp xét xử là nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong dân sự, đảm bảo tính chính xác trong xét xử VADS. Việc thực hiện đúng nguyên tắc pháp chế bảo đảm cho nguyên tắc hai cấp xét xử đ-ợc tôn trọng và thực hiện trong hoạt động xét xử VADS.

1.3.2. Với nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đ-ong sự

Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đ-ong sự cũng là nguyên tắc đảm bảo việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đ-ong sự tại Tòa án. Theo đó, đ-ong sự có thể tự mình hoặc thông qua ng-ời khác có kiến thức pháp luật biện hộ cho họ tr-ớc Tòa án. Thực hiện nguyên tắc đảm bảo quyền bảo vệ của đ-ong sự trong hai cấp xét xử là đảm bảo quyền tự bảo vệ của đ-ong sự tại hai cấp xét xử của Tòa án

1.3.3. Với nguyên tắc trách nhiệm của cơ quan, ng-ời tiến hành tố tụng

Một VADS có bị xét xử lại khi có kháng cáo, kháng nghị không phụ thuộc vào những ng-ời tiến hành tố tụng trong vụ án, việc đề cao trách

nhiệm của cơ quan, ng-ời tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án ở Tòa án các cấp sẽ bảo đảm vụ án đ-ợc xét xử đúng đắn, các quyền và lợi ích hợp pháp đ-ợc bảo đảm.

1.3.4. Với nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự

Việc đ-a ra đầy đủ những chứng cứ sẽ giúp Tòa án xác định chính xác các tình tiết của vụ án cũng nh- đảm bảo giải quyết đúng đắn vụ án, hạn chế việc kháng cáo, kháng nghị của đ-ơng sự. Việc thực hiện hai cấp xét xử có tác dụng bảo đảm cho các đ-ơng sự thực hiện tốt nguyên tắc nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh của họ, đ-ơng sự có thêm điều kiện, cơ hội để thực hiện nghĩa vụ này của họ ở Tòa án cấp phúc thẩm.

Chương 2

NỘI DUNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ

2.1. Tòa án thực hiện chế độ hai cấp xét xử

Nguyên tắc hai cấp xét xử đ-ợc quy định trong Điều 11 Luật tổ chức TAND và Điều 17 TTDS.

Tại Điều 17 Luật TTDS 2004 quy định:

"1. Tòa án thực hiện chế độ hai cấp xét xử.

Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộ luật này.

Bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn do Bộ luật này quy định thì có hiệu lực pháp luật; đối với bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải đ-ợc xét xử phúc thẩm. Bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới thì đ-ợc xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm theo quy định của Bộ luật này".

Thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTDS chính là quyền của công dân, tổ chức đ-ợc giải quyết những tranh chấp tại hai cấp xét xử của TAND, theo một trình tự thủ tục quy định tại BLTTDS, mà các cơ quan tiến hành tố tụng, ng-ời tiến hành tố tụng phải thực hiện để đảm bảo giải quyết VADS.

Hai cấp xét xử ở hệ thống Tòa án n-ớc ta hiện nay cấp là sơ thẩm và phúc thẩm. Việc xét xử lần đầu là xét xử sơ thẩm do TAND cấp huyện và TAND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 BLTTDS.

Xét xử sơ thẩm là việc xét xử lần đầu một VADS, khi có đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau phán quyết của Tòa án, một bản án, quyết định của Tòa án đ-ợc ra đời, song nó chỉ có hiệu lực khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị do pháp luật quy định mà không có kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, không phải bao giờ trong hoạt động xét xử của Tòa án, qua một phiên tòa sơ thẩm đã đảm bảo tính khách quan, toàn diện và tính đúng đắn của vụ án. Vì nhiều lý do khác nhau, các đ-ơng sự có thể không chấp nhận phán quyết của Tòa án sơ thẩm, chống án lên Tòa án cấp trên yêu cầu giải quyết tranh chấp của họ.

Xét xử phúc thẩm dân sự là Tòa án xét xử lại VADS mà bản án, quyết định sơ thẩm ch-a có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Xét xử phúc thẩm là giai đoạn tố tụng nhằm đảm bảo nguyên tắc xét xử hai cấp sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử, các đ-ơng sự, ng-ời đại diện của đ-ơng sự có quyền kháng cáo, VKS có quyền kháng nghị đối với bản án, quyết định ch-a có hiệu lực pháp luật yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp xem xét lại vụ án. Vì vậy, xét xử ở cấp phúc thẩm luôn đ-ợc tiến hành bởi cấp trên trực tiếp của Tòa án đã tiến hành xét xử sơ thẩm.

2.1.1. Cấp xét xử sơ thẩm

Xét xử sơ thẩm là xét xử lần đầu đối với vụ án và là cấp xét xử thứ nhất. Đây là cấp xét xử có ý nghĩa quan trọng trong thủ tục tố tụng giải quyết các VADS. Nếu xét xử ở cấp thứ nhất đúng pháp luật, có căn cứ, làm cho các đ-ơng sự tâm phục, khẩu phục, thì hết thời hạn kháng cáo của đ-ơng sự, kháng nghị của VKS, bản án có hiệu lực và đ-ợc thi hành.

Nh- ng nếu trong thời gian bản án, quyết định ch- a có hiệu lực pháp luật, bị kháng cáo, kháng nghị thì bản án, quyết định đó buộc phải đ- ọc xét xử tại cấp phúc thẩm.

2.1.1.1. Thẩm quyền sơ thẩm của Tòa án nhân dân

Cấp xét xử sơ thẩm thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện và TAND cấp tỉnh. Thẩm quyền của TAND cấp tỉnh về xét xử sơ thẩm, quy định tại Điều 28, Điều 30 Luật Tổ chức TAND năm 2002

Theo quy định của BLTTDS thì thẩm quyền sơ thẩm VADS thuộc về TAND cấp huyện và cấp tỉnh. Theo Điều 33 BLTTDS, TAND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự, trừ các tranh chấp quy định tại Điều 34 BLTTDS. Đó là các tranh chấp dân sự có yếu tố n- ớc ngoài và các tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện mà Tòa án cấp tỉnh lấy lên để giải quyết.

Đối với Tòa án có thẩm quyền giải quyết VADS theo lãnh thổ đ- ọc xác định tại Điều 35 BLTTDS, nhằm phân định thẩm quyền sơ thẩm vụ việc dân sự giữa các Tòa án cùng cấp với nhau, để đảm bảo giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án đ- ọc nhanh chóng, đúng đắn, tạo thuận lợi cho các đ- ơng sự tham gia tố tụng, tránh sự chồng chéo trong việc thực hiện thẩm quyền giữa các Tòa án cùng cấp. Theo đó, Tòa án có thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn c- trú, làm việc, nơi có tài sản, hoặc nơi bị đơn có trụ sở. Các đ- ơng sự có thể thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi c- trú, làm việc của nguyên đơn, hoặc nơi nguyên đơn có trụ sở giải quyết những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, th- ơng mại, lao động.

- Thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn. Theo Điều 36 BLTTDS thì đ- ọc áp dụng đối với các tr- ờng hợp đặc biệt để nhằm giải quyết VADS tại các Tòa án khác nhau, sao cho việc xét xử đ- ọc khách quan nhất và không trái với thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án.

2.1.1.2. Quyền hạn của Hội đồng xét xử sơ thẩm

BLTTDS không quy định quyền hạn xét xử của HĐXX sơ thẩm, nh- ng tại Điều 210 BLTTDS và Nghị quyết 02/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006

của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, HĐXX sơ thẩm phải xem xét tất cả các nội dung của vụ án bị tranh chấp, biểu quyết theo đa số về từng vấn đề, xem xét giải quyết tất cả các yêu cầu của các đ- ơng sự, trong đó có cả yêu cầu phản tố của bị đơn, các yêu cầu của ng- ời có quyền và nghĩa vụ liên quan. Mặt khác, một điểm có thể thấy rằng, quyền hạn của HĐXX sơ thẩm là từ khi tiến hành phiên tòa và tại phiên tòa. Nh- ng thực tế không phải nh- vậy. Kể từ khi nhận đơn khởi kiện và vào sổ thụ lý. Chánh án TAND phân công Thẩm phán giải quyết VADS, Hội thẩm nhân dân (HTND) tham gia HĐXX VADS thì họ đã có quyền hạn rồi. Trừ khi có quyết định thay đổi Thẩm phán và HTND.

2.1.1.3. Hiệu lực của bản án, quyết định sơ thẩm

Bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm là bản án ch- a có hiệu lực pháp luật khi nó trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Tức là trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án, hoặc là kể từ khi họ nhận đ- ọc bản án, quyết định. Hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nếu bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật.

Đối với kháng cáo quá hạn của đ- ơng sự, nếu Tòa án không chấp nhận thì đ- ơng sự mất quyền kháng cáo, hoặc quá thời hạn kháng cáo, đ- ơng sự không kháng cáo thì họ không đ- ọc kháng cáo nữa. Do vậy, bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật và các đ- ơng sự phải chấp hành.

Hiệu lực pháp luật của bản án, quyết định sơ thẩm còn căn cứ vào thời hạn kháng nghị của Viện Kiểm sát. Quá thời hạn kháng nghị, thì VKS mất quyền kháng nghị và cũng không đ- ọc kháng nghị quá hạn. Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2.1.2. Cấp xét xử phúc thẩm

Tại Điều 242 BLTTDS quy định: *xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm ch[ữ]a có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị.*

Với tính chất xét lại vụ án trong tr- ờng hợp bản án, quyết định sơ thẩm ch- a có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị, thủ tục phúc thẩm là một đảm bảo về mặt tố tụng để những bản án, quyết định của Tòa án

tr-óc đã tuyên phải là những bản án, quyết định đúng pháp luật, bảo vệ đ-ợc quyền và lợi ích hợp pháp của đ-ơng sự. Chỉ những vụ án mà có yêu cầu xem xét lại bản án, quyết định sơ thẩm thì vụ án mới bị xét xử phúc thẩm.

2.1.2.1. Thẩm quyền xét xử của Tòa án phúc thẩm

Thẩm quyền xét xử phúc thẩm theo điểm b, khoản 2 Điều 30 Luật Tổ chức TAND 2002 là Tòa dân sự TAND cấp tỉnh đối với bản án, quyết định sơ thẩm của TAND cấp huyện; thẩm quyền phúc thẩm bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp tỉnh là Tòa phúc thẩm TANDTC (theo điểm a khoản 2 Điều 24 Luật Tổ chức TAND 2002).

Thẩm quyền phúc thẩm giữa TAND cấp tỉnh và TANDTC dựa trên việc xác định những bản án, quyết định sơ thẩm ch-a có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp nào. Nếu đó là bản án, quyết định sơ thẩm của TAND cấp huyện, thì thẩm quyền phúc thẩm thuộc về TAND cấp tỉnh. Nếu đó là bản án, quyết định sơ thẩm của TAND cấp tỉnh, thì thẩm quyền phúc thẩm thuộc về TANDTC.

2.1.2.2. Quyền hạn của Hội đồng xét xử phúc thẩm

Hội đồng xét xử phúc thẩm có thẩm quyền đ-ợc quy định tại Điều 275 BLTTDS gồm: Giữ nguyên bản án sơ thẩm; Sửa bản án sơ thẩm; Hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án; Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

2.1.2.3. Hiệu lực của bản án, quyết định phúc thẩm

Theo quy định tại Điều 17 BLTTDS: bản án, quyết định phúc thẩm là chung thẩm, có hiệu lực pháp luật. Tính chất "chung thẩm" còn đ-ợc hiểu là lần xét xử cuối cùng. Khoản 6, điều 279 BLTTDS quy định: "*Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án*"

Theo Điều 263 BLTTDS, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị. Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm có thể xem xét những phần khác của bản án, quyết định có liên quan đến kháng cáo. Nh-ng kháng cáo về những vấn đề ch-a đ-ợc xét xử ở cấp sơ thẩm thì không đ-ợc xem xét ở cấp phúc thẩm.

Tại Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP ngày 04/8/2006 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC h-ớng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba "thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm" của BLTTDS đã h-ớng dẫn: "*có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị là tr-ờng hợp việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị đối với phần này của bản án, quyết định sơ thẩm đòi hỏi phải xem xét, giải quyết đồng thời phần khác của bản án, quyết định sơ thẩm đó mặc dù phần này không bị kháng cáo, kháng nghị*".

2.2 Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật bị xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm

Theo nguyên tắc hai cấp xét xử, việc xét xử chỉ đ-ợc diễn ra ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm. Đối với tr-ờng hợp bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật mà có vi phạm nghiêm trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hoặc phát hiện tình tiết mới quan trọng làm thay đổi nội dung vụ án thì bản án, quyết định đ-ợc xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Khi xét lại bản án, quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm chỉ xem xét lại tính hợp pháp của bản án, quyết định bị kháng nghị có vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, phát hiện những tình tiết mới làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án. Hoặc không bị kháng nghị, không liên quan đến việc xem xét kháng nghị nếu xâm phạm đến lợi ích của Nhà n-ớc, của ng-ời thứ ba không phải đ-ơng sự trong vụ án

2.2.1. Bản án, quyết định dân sự bị xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm

Khi có những căn cứ quy định tại Điều 283 BLTTDS, ng-ời có thẩm quyền có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm để yêu cầu Tòa án xem xét lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm. Hội đồng giám đốc thẩm không xét xử lại vụ án mà chỉ xem xét việc chấp nhận hay không chấp nhận kháng nghị, sửa, hủy, hoặc đình chỉ giải quyết vụ án.

2.2.2. Bản án, quyết định dân sự bị xét lại theo thủ tục tái thẩm

Theo Điều 305 BLTTDS, vụ án sẽ bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi có những căn cứ phát hiện những tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án. Đ-ơng sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức nếu phát hiện tình tiết mới của vụ án có quyền khiếu nại với ng-ời có thẩm quyền để họ kháng

ngợi theo thủ tục tái thẩm. Hội đồng tái thẩm xem xét lại vụ án và quyết định chấp nhận hay không chấp nhận kháng nghị, hủy bản án có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại hoặc đình chỉ giải quyết vụ án.

Chương 3

THỰC TIỄN THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Thực tiễn thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự

Theo tổng kết của ngành Tòa án, trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự, tỷ lệ các bản án, quyết định giải quyết tranh chấp, bị hủy để giải quyết năm sau giảm hơn năm trăm phần trăm. Công tác giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự của ngành TAND về cơ bản đảm bảo đúng pháp luật, đáp ứng yêu cầu giải quyết các tranh chấp trong nội bộ nhân dân, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của các đương sự.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc xét xử của TAND tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm còn tồn tại những vấn đề sau:

-Về vấn đề thu thập chứng cứ, trên thực tế còn có không ít các trường hợp Tòa án giải quyết vụ án khi chưa đầy đủ các chứng cứ, dẫn đến quyết định tại bản án tuyên chưa đủ căn cứ và bị Tòa án cấp trên hủy để giải quyết lại.

-Việc xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án chưa chính xác dẫn đến sai lầm và vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng

-Việc xét xử VADS vượt phạm vi giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm và việc Tòa án sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng, Tòa phúc thẩm phát hiện và đưa vào tham gia tố tụng và buộc người đó phải chịu nghĩa vụ là vi phạm nghiêm trọng về phạm vi xét xử phúc thẩm

-Khi giải quyết vụ án dân sự Tòa án không đảm bảo quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự

-Việc áp dụng pháp luật nội dung không chính xác dẫn đến giải quyết sai lầm vụ án.

- Tòa án giải quyết lại đối với tài sản đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, vi phạm thủ tục tố tụng.

- Tòa án giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự:

- Việc xét xử của Tòa án còn để tình trạng vụ án kéo dài, cả hai cấp xét xử đều vi phạm pháp luật, có những vụ án phải xét xử qua nhiều phiên tòa, không đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử.

- Các VADS bị xét xử kéo dài qua nhiều năm, qua nhiều cấp, nhiều phiên tòa, không đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử mà có nguy cơ tạo tiền lệ cho một nguyên tắc chưa từng có trong BLTTDS, đó là việc tái hai cấp xét xử.

3.1.2. Nguyên nhân hạn chế trong việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự

Những bất cập trong thực hiện các quy định của BLDS về nguyên tắc hai cấp xét xử do nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

Thứ nhất, một số quy định của BLTTDS còn chưa rõ ràng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa có văn bản hướng dẫn dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau. Ví dụ: Quy định tại khoản 4 Điều 79 BLTTDS chưa quy định, phân định cụ thể giữa trách nhiệm cung cấp chứng cứ chứng minh của đương sự với trách nhiệm xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án. Khoản 2 Điều 83 còn chưa rõ ràng về văn bản xác nhận chứng cứ do ai và cơ quan có thẩm quyền. Điều 269 khoản 1 BLTTDS quy định về quyền bị đơn không chấp nhận rút đơn khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp vì khi nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện, đối tượng xét xử không còn nữa, nếu vẫn còn yêu cầu của đương sự khác thay đổi việc giải quyết, vụ án mới tiếp tục

Thứ hai, do số lượng các VADS phải thụ lý và giải quyết của Tòa án là rất lớn, trong khi số lượng cán bộ, Thẩm phán của Tòa án chưa đủ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nên tình trạng để nhiều VADS quá thời hạn xét xử theo quy định của pháp luật. Chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chưa đáp ứng yêu cầu với diễn biến và sự phức tạp của các tranh chấp dân sự. Các bản án, quyết định giải quyết bị sửa, bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán còn nhiều.

Thứ ba, một số Thẩm phán ch- a thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc giải quyết VADS nh- ch- a xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, việc xây dựng hồ sơ vụ án không đầy đủ; đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, toàn diện dẫn đến giải quyết vụ án không đúng.

Thứ t, công tác kiểm tra, giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp d- ới còn hạn chế, nên ch- a kịp thời phát hiện các sai sót để khắc phục và xử lý vi phạm trong công tác giải quyết, xét xử các loại án.

3.2. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng dân sự

Thứ nhất, phải đảm bảo đầy đủ các cơ sở pháp lý cho việc xét xử ở cấp sơ thẩm. Quá trình giải quyết các VADS có thể trải qua các giai đoạn tố tụng khác nhau nh- ng xét xử tại phiên tòa sơ thẩm là quan trọng nhất. Để đáp ứng đ- ợc yêu cầu này thì tr- ớc hết pháp luật dân sự phải quy định đầy đủ, rõ ràng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể tham gia các quan hệ pháp luật dân sự. Pháp luật TTDS phải quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ của các chủ thể tố tụng, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp dân sự, thẩm quyền của Tòa án v.v... tạo cơ sở pháp lý cho việc xét xử.

Thứ hai, nếu VADS chỉ qua một cấp xét xử đã đảm bảo quyền lợi của đ- ơng sự, thì không cần phải đến hai cấp xét xử. Nh- ng khi không thỏa mãn đ- ợc các yêu cầu của đ- ơng sự, thì dù có muốn hay không, khi có kháng cáo, kháng nghị vụ án vẫn phải đ- ợc đ- a ra xét xử lại. Tòa án phải có trách nhiệm h- ớng dẫn và giúp đ- ơng sự thực hiện một cách tốt nhất quyền, nghĩa vụ của họ.

3.2.1. Kiến nghị về hoàn thiện pháp luật

3.2.1.1. Với cấp xét xử sơ thẩm

Kiến nghị bổ sung quy định về hiệu lực của bản án sơ thẩm khi các đ- ơng sự chấp nhận bản án, quyết định và cùng đề nghị Tòa án cho thi hành ngay. Bổ sung phạm vi giải quyết của HĐXX sơ thẩm và sửa đổi khoản 1 Điều 218 BLTTDS về xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu. Bổ sung khoản 4 Điều 79 BLTTDS về nghĩa vụ chứng minh. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 80 về tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Khoản 2 Điều 83 cần quy định rõ ràng cơ quan có thẩm quyền xác nhận chứng cứ là Tòa án; Điều 189 cần bổ sung quy định các tr- ờng hợp cụ thể đ- ợc Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án là trong các tr- ờng hợp bất khả kháng, hoặc điều kiện đặc biệt có chứng nhận của cơ quan nắm bắt sự kiện; Bổ khoản 2 Điều 182 BLTTDS do còn áp đặt hạn chế quyền tự định đoạt của đ- ơng sự.

3.2.1.2. Với cấp xét xử phúc thẩm

Sửa đổi, bổ sung Điều 269 khoản 1 điểm a BLTTDS quy định là không phù hợp vì khi nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện đối t- ợng xét xử không còn nên bản án sơ thẩm bị hủy. Sửa đổi, bổ sung Điều 233 BLTTDS quy định về phạm vi phát biểu khi tranh luận. Sửa đổi, bổ sung Điều 277 BLTTDS về căn cứ hủy bản án, quyết định sơ thẩm

3.2.2. Kiến nghị về thực hiện pháp luật

Thứ nhất, việc giải thích, h- ớng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật phải nhanh chóng, kịp thời.

Thứ hai, pháp luật phải quy định cụ thể để đảm bảo quyền khởi kiện cũng nh- quyền yêu cầu bảo vệ quyền lợi của đ- ơng sự tại Tòa án. Trách nhiệm h- ớng dẫn và thái độ phục vụ của những cán bộ trong ngành Tòa án cũng nh- những ng- ời tiến hành tố tụng để việc bảo vệ quyền của đ- ơng sự đ- ợc thuận lợi, dễ dàng ngay từ b- ớc đầu tiên đến Tòa án.

Thứ ba, về hoàn thiện hệ thống cơ quan xét xử: tổ chức lại Tòa án theo khu vực chứ không tổ chức theo đơn vị hành chính nh- hiện nay. Xây dựng chiến l- ợc nâng cao trình độ cán bộ ngành Tòa án, trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật tốt hơn nữa cho TAND cấp huyện để đảm bảo tăng thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp huyện có tính khả thi trên thực tế.

KẾT LUẬN

Nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử trong xét xử các VADS nói riêng và xét xử các vụ án hình sự, hành chính nói chung là một nguyên tắc cơ bản trong hoạt động tố tụng của Tòa án. Có thể nói nguyên

tác hai cấp xét xử chính là tiến bộ của kỹ thuật lập pháp trong nền văn minh nhân loại, bảo vệ quyền dân chủ của công dân. Từ việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử, quyền công dân đ-ợc bảo đảm, pháp luật đ-ợc bảo vệ. Chính vì thế, nguyên tắc hai cấp xét xử đã tạo ra sự phân cấp thẩm quyền xét xử giữa các Tòa án, về tổ chức TAND các cấp cũng nh-tạo ra các nguyên tắc trong hoạt động xét xử, trình tự tố tụng để nâng cao hiệu lực và hiệu quả của công tác xét xử.

Bản chất của nguyên tắc cũng chính là thể hiện bản chất của Nhà n-ớc pháp quyền Việt Nam là Nhà n-ớc của dân, do dân, vì nhân dân và là một trong những nguyên tắc cơ bản để tổ chức và hoạt động của Tòa án. Từ nguyên tắc hai cấp xét xử, pháp luật TTDS có sự phân biệt rõ ràng đối với các hoạt động xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm bằng các thủ tục tố tụng của mỗi cấp.

Ngay từ khi n-ớc nhà mới giành đ-ợc độc lập, hệ thống Tòa án n-ớc ta đã đ-ợc tổ chức thành Tòa án sơ cấp, Tòa án đệ nhị cấp và Tòa án tối cao để thực hiện hai cấp xét xử. Các Tòa có chức năng sơ thẩm và phúc thẩm vụ án t-ong ứng với phân cấp thẩm quyền của tổ chức Tòa án n-ớc ta lúc đó. Năm 1960, nguyên tắc hai cấp xét xử đ-ợc chính thức ghi nhận tại Điều 9 Luật Tổ chức TAND với nội dung "*Tòa án nhân dân thực hành chế độ hai cấp xét xử*". Đến năm 1981, Luật Tổ chức TAND đã không ghi nhận nguyên tắc này nữa. Tuy vậy, các TAND vẫn tiến hành thực hiện chế độ hai cấp xét xử. Năm 2002 nguyên tắc này mới đ-ợc quy định lại trong Luật tổ chức TAND năm 2002 và đ-ợc BLTTDS năm 2004 quy định tại Điều 17 của Bộ luật.

Thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử chính là cơ sở để hoạt động xét xử các vụ án đ-ợc đúng đắn, mặt khác nó cũng tạo tiền đề để các đ-ơng sự tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tr-ớc Tòa án. Vì sau khi xét xử sơ thẩm, nếu đ-ơng sự, Viện kiểm sát không chấp nhận bản án, quyết định sơ thẩm thì có thể kháng cáo, kháng nghị yêu cầu Tòa án xét xử lại vụ án. Song quyền kháng cáo, kháng nghị chỉ đ-ợc thực hiện một lần bản án, quyết định phúc thẩm là chung thẩm, có hiệu lực pháp luật. Do đó, nguyên tắc hai cấp xét xử cũng không làm kéo dài

quá trình giải quyết VADS, các quy định của pháp luật về tổ chức Tòa án, thẩm quyền và thủ tục để cho các Tòa án hiện nay xét xử theo hai cấp (sơ thẩm và phúc thẩm) đã phân nào đáp ứng đòi hỏi của nguyên tắc hai cấp xét xử và thực tiễn xét xử. Chất l-ợng xét xử ở các Tòa án sơ thẩm, Tòa án phúc thẩm cũng ngày càng đ-ợc nâng cao.

Tuy nhiên, qua việc nghiên cứu cho thấy vẫn còn những hạn chế trong việc quy định và thực hiện nguyên tắc này trên thực tiễn. Do vậy, phải có những giải pháp nhằm khắc phục các hạn chế v-ớng mắc này mà cụ thể là cần phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật về nguyên tắc hai cấp xét xử, phạm vi giải quyết VADS tại Tòa án cấp sơ thẩm, trách nhiệm của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ với nghĩa vụ chứng minh của đ-ơng sự. Về thực chất, pháp luật cần:

Tạo sự đồng bộ và thống nhất trong các quy định của pháp luật (Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tổ chức TAND...) sao cho xác định rõ ràng, chính xác tính chất của sơ thẩm, phúc thẩm để có nhận thức đúng đắn và thống nhất nguyên tắc hai cấp xét xử trên cả ph-ơng diện lý luận và thực tiễn.

Đổi mới hệ thống Tòa án, tổ chức lại hệ thống Tòa án theo tinh thần Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ Chính trị theo h-ớng: "*Các cấp Tòa án sẽ đ-ợc phân định theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính. Tòa án sơ thẩm khu vực đ-ợc tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; Tòa phúc thẩm có nhiệm vụ chủ yếu là xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án; Tòa th-ợng thẩm đ-ợc tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm; Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, h-ớng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm*".

Mở rộng việc tranh tụng, kết quả của bản án dựa phải trên tài liệu, chứng cứ đã đ-ợc xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc hỏi cũng nh-tranh luận, đối đáp của những ng-ời tham gia tố tụng.

Bổ sung các quy định về phạm vi giải quyết VADS của Tòa án cấp sơ thẩm, trách nhiệm về việc cung cấp chứng cứ và vấn đề rút đơn khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án dân sự.